

Bản tin chứng khoán

Trong số này

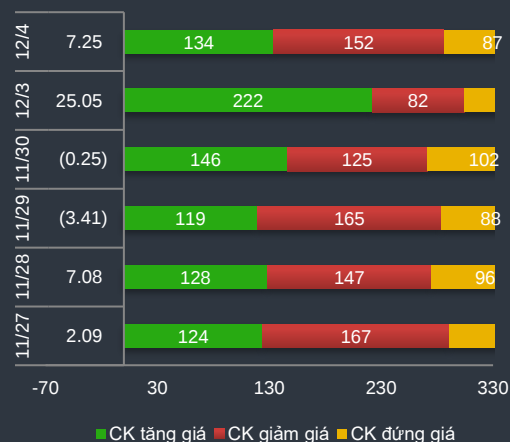
Nhận định **P.1**

Bộ lọc CP **P.2**

Note doanh nghiệp **P.3**

Kết quả kinh doanh Q2 **P.5**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

VNM	80.9
VRE	36.1
DXG	11.8
STB	11.7
VCB	10.0
POW	8.8
CTD	6.8
HT1	5.0
MSH	4.8
PVD	4.3
KDH	4.2
HCM	(6.8)
VJC	(7.2)
BSR	(8.4)
HDB	(9.7)
GAS	(13.5)
AAA	(15.8)
VHC	(17.8)
MSN	(25.7)
HPG	(46.1)

Thị trường đã bức phá mạnh ngay từ phiên đầu tuần và tiếp nối đà tăng hôm nay thêm 7.2 điểm đưa chỉ số Vnindex tăng hơn 30 điểm chỉ sau hai phiên. Thanh khoản chung lên hơn 170 triệu cổ phiếu một phần nhờ giao dịch đến từ EIB (37.2 triệu CP). Độ rộng thị trường thu hẹp lại một chút do áp lực chốt lời tăng mạnh hôm nay. Chỉ số tăng rất mạnh hai phiên vừa qua ngoài lý do tất yếu sự lạc quan từ thị trường quốc tế mà còn đến từ tín hiệu tích lũy đã diễn ra suốt cả tuần lễ trước đó. Đóng góp lớn nhất cho sự bức phá của chỉ số là nhờ những blue chip lớn VNM, VHM, GAS.

Nếu như trong phiên thứ hai, hầu hết cả thị trường đều tăng mạnh đặc biệt là nhóm ngân hàng thì ngày hôm nay chỉ còn nhóm ngành dệt may, thủy sản còn giữ động lực trong khi các nhóm ngành khác đều hạ nhiệt.

Một nhóm ngành khác cũng đáng chú ý là nhóm ngành thép với nhiều cổ phiếu tăng hơn 10% chỉ sau hai phiên. Những thông tin truyền thông gần đây đề cập đến việc dự tính mua cổ phiếu của lãnh đạo HPG cho đến những tin tức lạc quan hơn về HSG có thể tạo một đợt sóng ngắn hồi phục với nhóm cổ phiếu ngành này. Một số cổ phiếu HPG, HSG, NKG, POM ... đều giảm giá từ 20% - 50% chỉ trong vài tháng gần đây.



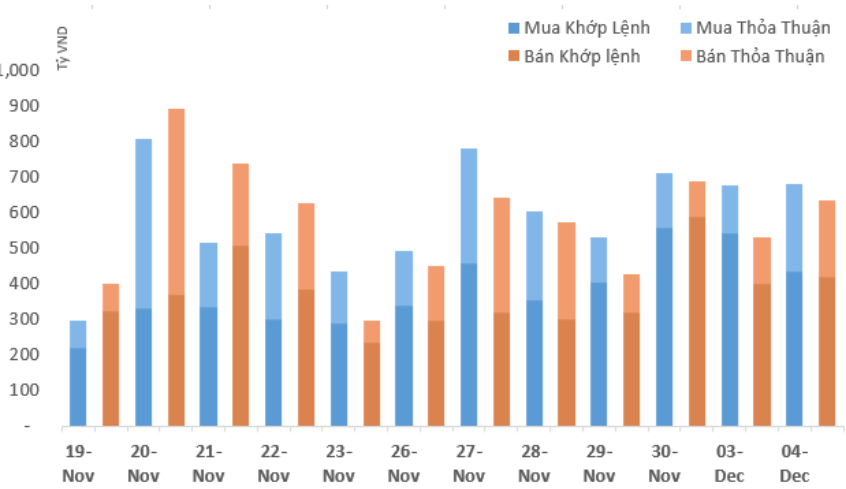
Vnindex 958.84

▲ +7.25 (+0.76%)

Biến động Big Cap

CP	Vốn hóa	Giá	%
VHM	274,660	82.0	5.53
VRE	76,152	32.7	4.31
BHN	19,773	85.3	4.02
MSN	97,821	84.1	2.31
TCB	97,205	27.8	2.21
VNM	237,705	136.5	2.17
EIB	17,396	14.2	2.17
VPB	55,031	22.4	1.59
BVH	68,827	98.2	0.92
VJC	71,980	132.9	0.68
REE	10,340	33.4	0.60
DHG	10,957	83.8	0.36
ROS	20,490	36.1	0.28
PNJ	15,403	95.0	0.11
FPT	27,579	45.0	0.11
VIC	325,545	102.0	0.10
KDH	12,835	31.0	-
STB	23,087	12.8	-
MWG	28,409	88.0	-
BID	114,185	33.4	(0.45)
PLX	70,340	60.7	(0.49)
GAS	184,696	96.5	(0.52)
HPG	73,487	34.6	(0.57)
NVL	62,080	67.9	(0.59)
SSI	14,701	29.5	(0.67)
MBB	47,530	22.0	(0.68)
VCB	207,231	57.6	(0.69)
HDB	31,098	31.7	(0.94)
CTG	88,989	23.9	(1.04)
HNG	14,544	16.4	(1.20)
SAB	159,038	248.0	(1.20)
CTD	12,277	157.0	(1.26)
TPB	17,311	26.0	(1.70)

Khối ngoại hôm nay mua ròng thêm 46.6 tỷ đưa giá trị mua ròng lên 8 phiên liên tiếp với giá trị mua ròng gần 700 tỷ đồng. VNM là CP được mua ròng nhiều nhất 80.9 tỷ, bên cạnh VRE 36.1 tỷ, DXG 11.8 tỷ, STB 11.7 tỷ và VCB 10 tỷ. Phía bán ra có HPG 46.1 tỷ, MSN 25.7 tỷ và VHC 17.8 tỷ.



Về mặt phân tích kỹ thuật, Chỉ số Vnindex hiện đang gặp kháng cự đầu tiên quanh 970 trong khi mục tiêu trong đợt tăng ngắn hạn là mốc 1000 điểm. Nhìn chung dù thanh khoản có tăng mạnh trở lại, nước ngoài mua ròng mạnh nhưng tâm lý chung của thị trường vẫn còn khá dao động vì vậy việc điều chỉnh 5 - 7 điểm trong những phiên tới là bình thường. Nhà đầu tư có thể chốt lãi một phần và tích lũy trở lại khi thị trường điều chỉnh. Chúng tôi cập nhật danh sách bổ sung một số cổ phiếu quan tâm nắm giữ trong giai đoạn hiện tại.

Cổ phiếu quan tâm:

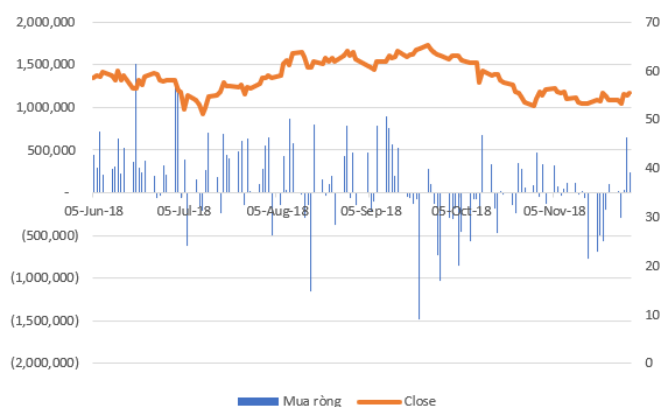
Ticker	Close	% so với tuần trước	Đáy thấp nhất 6 tháng	RSI	StochK	Hỗ trợ mạnh
GAS	96.5	6.5%	72.5	69.4	79.4	92
PNJ	95.0	0.5%	75.2	55.9	54.7	90
TCB	27.8	6.9%	24.8	87.2	71.4	25
VJC	132.9	4.9%	124.8	73.6	74.4	126
VEA	38.2	2.1%	19.4	62.2	77.6	35
MSH	52.6	-	52.5	-	0	50
VNM	136.5	7.9%	114.3	88.3	95.7	125
STK	18.8	0.0%	13.1	38.8	53.2	18 - 19
TCM	24.3	-1.6%	16.3	52.2	28.4	23
VPB	22.4	6.7%	19.0	74.0	70.4	20
VCB	57.6	7.9%	50.5	76.0	84.8	50 - 52
CTD	157.0	1.3%	130.2	60.1	76.1	150
VHC	103.4	-1.6%	54.4	46.7	23.8	100
PVS	20.2	7.4%	13.8	71.9	85.8	17.5 - 18
BID	33.4	6.0%	21.6	77.0	79	27 - 28



Thông tin giao dịch nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL Mua	KL Bán	Room NN (đang nắm giữ)	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VCB	HOSE	57.6	1,367,410	17.15	3.37	192,910	19,650	747,134,191	207,231	20.8%	3,359	17,101
CTG	HOSE	23.9	4,249,780	11.58	1.27	1,900	-	1,117,019,466	88,989	30.0%	2,064	18,777
BID	HOSE	33.4	2,374,250	13.72	2.13	21,560	13,500	98,649,012	114,185	2.9%	2,435	15,713
MBB	HOSE	22	7,706,990	9.40	1.43	-	-	432,090,274	47,530	20.0%	2,341	15,371
TCB	HOSE	27.8	23,430,160	11.09	1.96	-	-	787,033,936	97,205	22.5%	2,507	14,151
VPB	HOSE	22.4	5,329,380	8.29	1.77	-	-	570,052,382	55,031	23.2%	2,703	12,643
STB	HOSE	12.8	5,838,070	18.11	1.01	997,460	85,170	235,453,770	23,087	13.1%	707	12,614
EIB	HOSE	14.15	38,906,128	12.90	1.15	-	-	369,333,777	17,396	30.0%	1,097	12,292
HDB	HOSE	31.7	2,077,930	12.90	1.95	568,490	881,710	267,502,544	31,098	27.3%	2,458	16,264
TPB	HOSE	26	307,480	11.33	1.71	57,600	-	200,006,769	17,311	30.0%	2,294	15,185
SHB	HNX	7.6	4,357,002	5.82	0.57	100	-	114,171,017	9,144	9.5%	1,306	13,338
ACB	HNX	31.1	2,824,388	8.03	1.79	-	-	386,576,321	38,787	31.0%	3,875	17,336
NVB	HNX	10.3	1,201,200	109.68	0.97	-	-	100,275	3,066	0.0%	94	10,665
LPB	UPCOM	9.9	1,496,429	7.21	0.74	-	15,000	37,238,676	7,425	5.0%	1,374	13,423
BAB	UPCOM	20.5	473,246	16.42	1.64	-	-	1,138,530	11,275	0.2%	1,248	12,503
VIB	UPCOM	19.7	308,347	5.55	1.10	100	-	115,710,712	10,491	21.7%	3,548	17,928
KLB	UPCOM	10	7,800	13.95	0.88	-	-	57,001,000	3,199	17.8%	717	11,424

Mua bán ròng khối ngoại - VCB



Mua bán ròng khối ngoại - STB





Tình hình lợi nhuận DN 9 Tháng 2018

	Số Cty	Lợi nhuận
Số công ty công bố	931	
- Số DN báo lãi	787	
- Số DN báo lỗ	126	
Tổng lợi nhuận 9T 2018 Tỷ VND		191,142
Tổng lợi nhuận 9T 2017 Tỷ VND		151,173
% Tăng/(Giảm)		26.4%

Thống kê lợi nhuận Quý 9T 2018 theo ngành

Ngành	Số DN	Vốn Hóa	Lợi nhuận sau thuế (*)		+/- Tỷ VND	Tăng trưởng %
			9T.2017	9T.2018		
			Tỷ VND	Tỷ VND		
Bán lẻ	18	47,516	2,172.4	2,748.3	575.90	26.5%
Bảo hiểm	10	86,266	2,533.3	1,864.6	(668.70)	-26.4%
Bất động sản	89	824,768	12,819.3	25,365.7	12,546.40	97.9%
Công nghệ Thông tin	21	31,326	1,743.3	2,095.4	352.10	20.2%
Dầu khí	7	149,453	8,474.5	8,467.0	(7.50)	-0.1%
Dịch vụ tài chính	35	54,432	3,476.7	4,517.6	1,040.90	29.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	82	310,342	13,134.7	16,610.7	3,476.00	26.5%
Du lịch và Giải trí	30	140,746	5,816.7	6,487.6	670.90	11.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	135	326,442	13,708.1	18,008.2	4,300.10	31.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng	38	46,605	2,970.8	3,624.0	653.20	22.0%
Hóa chất	48	84,610	4,044.6	5,836.9	1,792.30	44.3%
Ngân hàng	18	761,668	36,125.5	50,276.4	14,150.90	39.2%
Ô tô và phụ tùng	12	15,592	399.6	491.6	92.00	23.0%
Tài nguyên Cơ bản	67	147,252	9,250.4	9,355.6	105.20	1.1%
Thực phẩm và đồ uống	81	628,840	20,481.1	24,791.9	4,310.80	21.0%
Truyền thông	25	12,127	198.0	288.6	90.60	45.8%
Viễn thông	5	51,882	1,142.0	(30.7)	(1,172.70)	-102.7%
Xây dựng và Vật liệu	185	151,613	10,886.4	8,399.9	(2,486.50)	-22.8%
Y tế	25	39,661	1,795.6	1,942.2	146.60	8.2%
Total	931	3,911,141	151,173.00	191,141.50	39,968.50	26.44%



Tổng hợp kết quả kinh doanh một số doanh nghiệp đạt kết quả tốt 9 tháng đầu năm:

Mã	Sàn NY	Giá	Vốn hóa	Doanh thu		Lợi Nhuận		EPS 4 quý	P/Bv	PE	ROA	ROE
		VNĐ	Tỷ VNĐ	9T.2018	% cùng kỳ	9T.2018	% cùng kỳ					
				Tỷ VNĐ	lần	Tỷ VNĐ	lần	VNĐ	lần	lần	lần	lần
ABT	HOSE	42,200	485.2	308.0	8.1%	54.8	303.5%	5,789	1.49	7.29	11.1%	16.2%
ACB	HNX	29,300	36,541.9	0.0		3,771.8	139.5%	3,157	1.74	9.28	1.5%	24.6%
ACL	HOSE	30,150	687.4	1,190.3	34.3%	147.4	1141.7%	6,517	1.48	4.63	12.7%	34.9%
AMV	HNX	37,000	1,003.3	164.2	1466.2%	94.7	22817.7%	4,874	2.25	7.59	31.1%	34.6%
ANV	HOSE	25,900	3,228.4	2,734.7	30.0%	303.4	244.0%	2,796	2.58	9.26	11.5%	23.9%
APC	HOSE	37,000	436.8	125.7	15.9%	58.8	23.4%	6,836	1.47	5.41	24.7%	27.1%
ASM	HOSE	10,700	2,588.7	5,149.0	250.1%	957.1	44.0%	4,187	0.58	2.56	10.4%	21.2%
BWE	HOSE	20,750	3,112.5	1,591.4	27.5%	231.2	162.9%	2,099	0.80	9.89	2.7%	8.6%
BTT	HOSE	43,750	590.6	264.4	2.7%	36.2	42.1%	3,724	1.87	11.75	10.5%	15.4%
BWS	UPCOM	30,500	1,921.5	449.2		169.0	68.4%	3,413	2.60	8.94	26.1%	30.2%
CAV	HOSE	55,500	3,196.8	6,029.5	20.8%	291.9	50.5%	6,485	2.05	8.56	10.9%	26.6%
STK	HOSE	19,500	1,168.8	1,780.9	24.4%	131.4	162.8%	2,706	1.36	7.21	7.8%	19.8%
CKD	UPCOM	14,800	458.8	851.1	-6.2%	106.0	453.7%	5,258	0.99	2.81	17.8%	37.8%
CLC	HOSE	34,800	912.0	1,446.6	7.3%	105.8	49.6%	5,345	1.48	6.51	14.2%	22.7%
CMX	HOSE	12,300	162.6	802.9	16.1%	58.9	739.4%	4,987	1.39	2.47	8.3%	83.5%
CNG	HOSE	27,100	731.7	1,320.6	36.7%	83.8	36.4%	4,218	1.56	6.42	14.6%	23.3%
CSC	HNX	29,500	295.0	243.3	52.9%	118.8	190.5%	14,721	0.88	2.00	22.9%	49.5%
CTI	HOSE	25,550	1,609.7	709.1	-17.9%	105.5	53.7%	2,427		10.53	3.6%	10.6%
CTR	UPCOM	21,900	1,059.7	3,106.9	42.3%	107.0	124.7%	3,134	1.35	6.99	7.3%	20.1%
DPG	HOSE	45,000	1,350.0	917.7	29.6%	85.3	31.0%	5,083	1.40	8.85	3.7%	16.6%
DGC	HNX	47,500	5,120.6	4,327.3	58.2%	620.6	298.6%	6,893	1.85	6.89	21.0%	28.9%
DGW	HOSE	23,600	958.2	4,382.7	62.6%	78.3	31.9%	2,504	1.43	9.42	6.6%	14.3%
DHC	HOSE	40,200	1,385.3	679.4	18.2%	103.7	147.6%	4,026	1.71	9.99	9.1%	18.3%
DHT	HNX	40,300	759.4	1,281.8	17.9%	60.2	20.9%	4,447	2.81	9.06	13.8%	32.8%
DNH	UPCOM	20,700	8,743.7	1,596.3	31.6%	801.0	104.3%	2,399	1.56	8.63	13.1%	18.4%
DVP	HOSE	45,500	1,820.0	466.9	1.0%	226.0	21.0%	7,226	1.65	6.30	25.1%	28.0%
DXG	HOSE	25,550	8,937.9	3,236.6	93.1%	750.2	23.9%	3,042	1.57	8.40	8.9%	20.6%
DP3	HNX	82,000	557.6	361.9	44.4%	81.0	206.2%	14,072	2.82	5.83	39.0%	55.3%
FPT	HOSE	41,850	25,677.3	16,261.1	-46.1%	1,828.2	24.4%	5,305	1.92	7.89	12.4%	23.5%
FRT	HOSE	71,100	4,834.8	11,032.5	19.5%	227.4	29.7%	5,031	4.92	14.13	8.4%	37.8%
FOX	UPCOM	51,000	11,532.6	6,478.1	15.9%	795.5	22.4%	4,361	3.21	11.69	10.5%	26.5%
GAS	HOSE	99,800	191,012.2	56,613.9	19.2%	8,879.8	68.3%	6,557	4.36	15.22	19.5%	28.2%
GEX	HOSE	25,800	10,489.3	10,049.3	15.9%	724.9	114.3%	2,603	1.39	9.91	5.9%	12.6%

GIL	HOSE	37,500	715.3	1,607.4	15.3%	88.7	153.9%	8,997	0.84	4.17	10.6%	28.6%
GMD	HOSE	27,700	8,224.8	1,998.5	-30.3%	1,675.1	22.7%	6,458	1.35	4.29	18.2%	28.3%
GSP	HOSE	13,650	409.5	1,234.1	37.4%	48.7	31.0%	2,148	1.06	6.35	11.4%	16.6%
HEM	UPCOM	21,900	805.9	326.2	-26.9%	66.4	180.3%	2,370	1.41	9.24	10.8%	15.3%
HJS	HNX	23,000	483.0	131.6	5.1%	38.8	33.3%	2,209	1.64	10.41	10.1%	15.8%
HMC	HOSE	14,450	303.5	2,867.7	41.5%	72.4	42.9%	5,151	0.79	2.81	10.1%	29.0%
HTC	HNX	25,600	281.6	1,622.6	26.1%	30.7	53.1%	3,566	1.23	7.18	7.7%	16.7%
HVT	HNX	47,500	521.9	712.9	20.6%	65.5	96.2%	9,085	2.43	5.23	21.4%	50.3%
IMP	HOSE	50,700	2,504.7	810.1	7.9%	99.3	21.3%	2,585	1.78	19.61	7.5%	8.9%
KSB	HOSE	29,450	1,516.1	776.3	4.9%	212.7	28.3%	5,796	1.70	5.08	14.3%	35.6%
L14	HNX	35,900	538.5	177.7	-20.5%	64.5	52.7%	7,427	1.85	4.83	23.1%	39.2%
LGL	HOSE	7,170	358.5	763.1	432.5%	48.4	516.8%	3,203	0.51	2.24	5.8%	23.4%
MBB	HOSE	21,500	46,449.7	0.0		4,801.4	47.4%	2,341	1.44	9.18	1.6%	16.2%
MCH	UPCOM	86,000	52,452.7	11,659.2	32.6%	2,483.7	49.3%	5,527	6.02	15.56	19.8%	32.8%
VET	UPCOM	63,900	1,019.8	650.4	2.1%	57.2	961.7%	5,400	2.99	11.83	8.0%	27.3%
NBC	HNX	6,300	233.1	1,552.1	44.3%	37.7	55.9%	2,414	0.53	2.61	3.1%	19.5%
NDN	HNX	13,800	613.2	161.7	28.8%	32.9	35.9%	2,624	1.08	5.26	10.8%	20.3%
NED	UPCOM	10,200	413.1	186.3		57.7	96.3%	2,025	1.30	5.04	6.4%	29.2%
NRC	HNX	43,300	519.6	139.5		55.3	249.9%	6,200	3.33	6.98	23.8%	40.7%
NLG	HOSE	28,550	6,040.5	2,740.5	67.4%	635.1	901.7%	4,378	1.27	6.52	9.9%	19.9%
NNC	HOSE	51,600	1,131.1	437.5	2.7%	151.6	32.1%	9,014	2.96	5.72	35.7%	43.3%
NTC	UPCOM	74,100	1,181.4	120.8	18.8%	144.2	139.1%	11,775	2.80	6.29	6.1%	47.6%
PAC	HOSE	44,500	2,068.0	2,296.8	10.6%	108.6	105.5%	2,923	3.74	15.22	6.8%	21.4%
PC1	HOSE	23,500	3,120.1	3,578.2	55.5%	410.9	125.3%	3,544	0.97	6.63	7.3%	15.6%
PGC	HOSE	14,200	856.8	2,440.7	14.5%	116.6	36.3%	2,720	1.11	5.22	7.5%	21.0%
PGD	HOSE	38,300	3,446.9	6,004.1	20.8%	197.0	23.9%	3,132	2.69	12.23	9.2%	19.6%
PHC	HOSE	14,000	327.7	1,940.1	44.8%	38.9	161.1%	2,081	0.79	6.73	2.7%	13.4%
PHR	HOSE	29,200	3,956.6	884.0	-21.1%	390.6	61.3%	3,509	1.44	8.32	10.6%	18.4%
PNJ	HOSE	96,200	15,597.7	10,507.7	35.5%	694.4	40.9%	5,651	5.34	17.02	18.5%	28.4%
QPH	UPCOM	25,900	481.3	84.7	2.2%	42.3	115.8%	2,433	1.61	10.65	10.7%	15.6%
SAF	HNX	60,000	475.1	752.4	5.4%	30.6	24.1%	4,993	4.88	12.02	21.3%	33.8%
SGN	HOSE	133,400	3,196.9	949.0	16.3%	210.5	30.9%	10,587	5.06	12.60	32.3%	44.9%
SDG	HNX	31,900	216.9	524.2	198.9%	36.3	465.2%	5,042	0.67	6.33	6.8%	15.5%
SFI	HOSE	28,300	333.9	647.1	22.2%	44.1	59.0%	4,016	0.88	7.05	7.7%	12.6%
SRA	HNX	48,800	97.6	185.9	1942.9%	59.5	7383.7%	34,684	1.11	1.41	86.8%	139.6%
SSI	HOSE	28,500	14,226.4	2,794.7	49.3%	1,094.9	74.4%	2,540	1.50	11.22	6.9%	15.9%
SVC	HOSE	45,200	1,128.9	9,631.7	-5.4%	112.5	326.8%	5,680	0.84	7.96	4.0%	10.7%
AST	HOSE	65,000	2,340.0	642.0	33.8%	119.1	36.9%	4,346	4.64	14.96	23.9%	31.9%
TCB	HOSE	27,000	94,408.0	0.0		6,209.2	20.7%	2,611	1.94	10.34	3.0%	21.7%
TCM	HOSE	25,150	1,361.4	2,826.8	15.4%	212.6	85.5%	4,319	1.31	5.82	7.7%	20.7%
TCT	HOSE	57,100	730.2	157.3	12.6%	75.0	106.4%	6,082	2.35	9.39	25.0%	26.9%
TCW	UPCOM	16,800	253.1	486.7	-1.4%	41.7	21.0%	3,577	0.78	4.70	8.3%	16.6%
TMP	HOSE	33,500	2,345.0	626.8	15.8%	313.6	35.1%	5,526	1.89	6.06	26.8%	33.8%
TMS	HOSE	22,900	1,088.0	1,736.5	24.2%	165.4	86.4%	4,184	0.63	5.47	6.8%	13.0%
TNG	HNX	17,700	873.3	2,726.6	47.6%	130.5	38.0%	3,203	1.20	5.53	6.2%	23.4%
TPB	HOSE	25,000	16,645.7	0.0		1,290.1	101.1%	2,517	1.66	9.93	1.2%	18.2%
TVS	HOSE	13,750	851.9	338.4	24.7%	104.1	431.1%	2,563	1.05	5.36	7.0%	19.4%
UIC	HOSE	30,100	240.8	1,872.8	10.9%	41.7	36.3%	6,485	0.90	4.64	11.8%	19.9%
VCB	HOSE	55,500	199,676.2	0.0		9,365.3	36.9%	3,359	3.35	16.52	1.2%	21.0%
VEA	UPCOM	34,300	45,599.1	4,681.9	12.2%	4,843.7	27.3%	3,797	2.46	9.03	0.0%	0.0%
VHC	HOSE	100,300	9,257.9	6,569.3	9.6%	1,036.0	260.5%	13,203	2.52	7.60	23.0%	38.3%
VIB	UPCOM	26,500	14,064.4	0.0		1,376.5	134.5%	3,736	1.50	7.09	1.5%	21.2%

TVT	HOSE	22,100	464.1	1,825.8	-9.0%	80.1	42.8%	4,819	0.64	4.59	6.1%	14.2%
VJC	HOSE	132,000	71,492.7	33,934.8	50.1%	3,681.3	74.1%	10,037	5.74	13.15	16.3%	47.5%
VIX	HNX	9,200	744.9	363.0	50.6%	204.6	2528.0%	3,022	0.68	3.04	17.9%	24.5%
VMC	HNX	22,300	446.0	1,101.8	37.6%	67.2	359.4%	24,799	0.74	0.90	17.1%	86.0%
VSA	HNX	18,000	253.7	656.6	9.2%	39.1	42.3%	4,193	0.80	4.29	8.9%	16.8%
VPG	HOSE	23,500	540.5	1,320.0		54.8	135.4%	2,778	1.75	8.46	3.9%	22.6%
VRC	HOSE	23,000	1,150.0	33.2	932.1%	175.3	1639.3%	4,512	1.26	5.10	20.0%	27.3%
VCW	UPCOM	33,400	2,505.0	333.0	10.0%	153.2	31.4%	2,669	2.70	12.51	18.2%	22.6%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Cổ phiếu Quan tâm

Top tăng giá HOSE

TNT	4.12
VRE	4.31
LHG	4.31
ANV	4.32
VHC	4.44
HAS	4.48
UDC	4.68
NAF	4.85
VHM	5.53
GMC	6.09
HTT	6.97

Top tăng giá HNX

VCG	7.29
SCJ	8.33
SCI	8.96
CSC	9.43
TTZ	9.52
TST	10.00
NHP	12.50
SPI	12.50
ACM	14.29

TDM - CTCP Nước Thủ Dầu Một - Ngày 03/12, HĐQT đã thông qua việc tạm ứng cổ tức năm 2018 cho cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt theo tỷ lệ 9%. Thời gian chi trả trong tháng 3/2019.

CRE - CTCP Bất động sản Thế Kỷ - Đã thông qua việc vay vốn 400 tỷ đồng tại các ngân hàng tại Việt Nam với lãi suất trong khoảng 8,5% - 10% để bổ sung vốn đầu tư Dự án đầu tư xây dựng khu thể thao, trường học, công trình công cộng khu đô thị phường Đồng Ky, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và các mục đích khác.

EVG - CTCP Everland – Đã thông qua việc hợp tác đầu tư với CTCP Đông Dương Nha Trang để thực hiện Dự án Khu dân cư Hồ Vĩnh Hòa, tại phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Đây là dự án có tổng mức đầu tư dự kiến 900 tỷ đồng, quy mô sử dụng đất 12,48 ha.

MDG - CTCP Miền Đông - Ngày 11/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 1 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 12/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/12/2018.

VAF - CTCP Phân lân nung chảy Văn Điển - Ngày 11/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 12/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 27/12/2018.

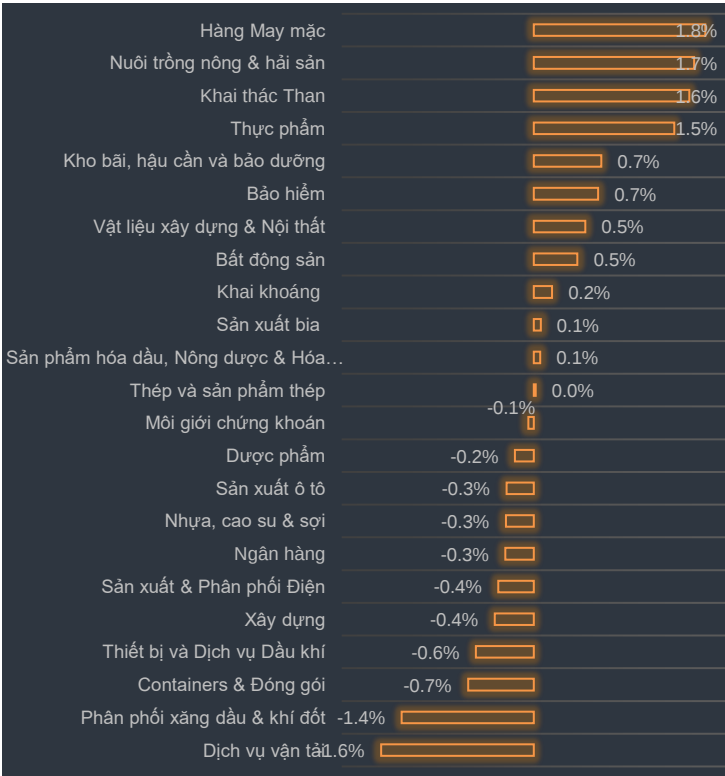
MPT - CTCP May Phú Thành - Thông báo đã hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ 720.000 cổ phần, tương ứng tỷ lệ 48% sở hữu tại CTCP Melange Việt Nam trong ngày 30/11 vừa qua, với giá 20.000 đồng/cổ phần.

AAA - CTCP Nhựa và Môi trường Xanh An Phát – Đã ký kết thành công hợp đồng 1.400 tỷ đồng với đối tác khách hàng Nhật Bản xuất khẩu bao bì màng mỏng. Với hợp đồng 1.400 tỷ này, dự kiến doanh thu năm 2019 của AAA sẽ có sự tăng trưởng đột biến.

THT - CTCP Thanh Hà Tu – Vinacomin - CTCP Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) thông qua việc điều chỉnh giá chào mua công khai hơn 3,43 triệu cổ phiếu lên 8.800 đồng/cổ phiếu từ mức 8.000 đồng cổ phiếu theo thông báo trước đó. Dự kiến việc mua vào thành công, TKV sẽ nâng sở hữu tại THT lên gần 16 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 65%.

VCS - CTCP Vicostone - Ngày 06/12 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2018, ngày đăng ký cuối cùng là 07/12. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 10%,

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản: CSC, KAC, DTA

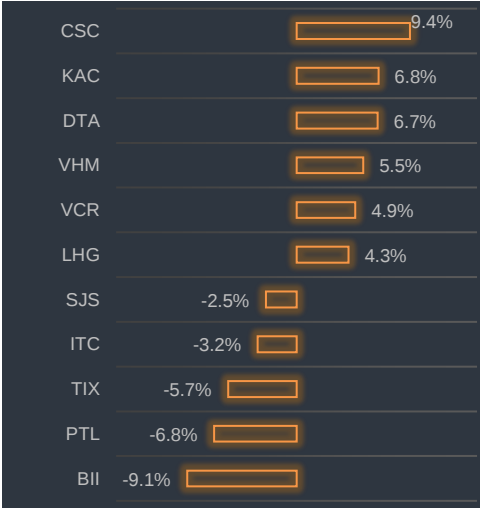
Xây dựng: SCI, VCG, HU1

Dầu khí: PMG, PVS, PVE

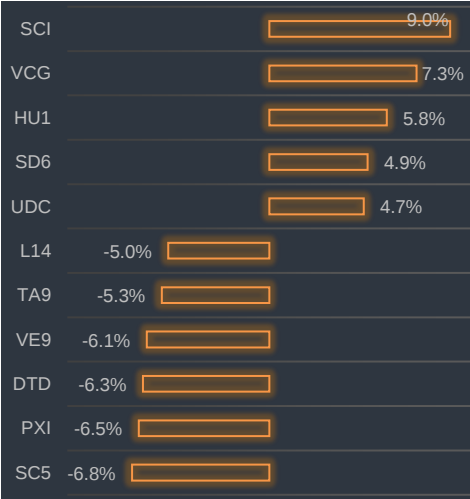
Chứng khoán: HBS, IVS, CTS,

Ngân hàng: TCB, EIB, VPB

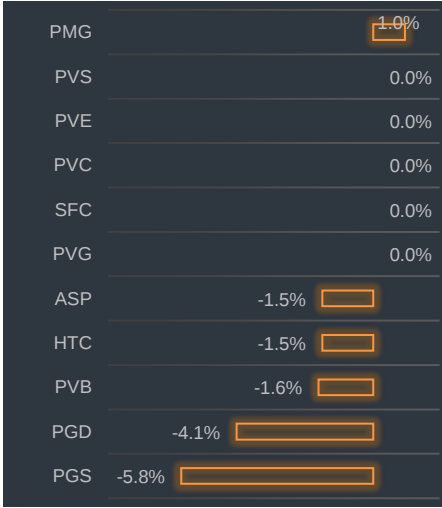
Bất động sản



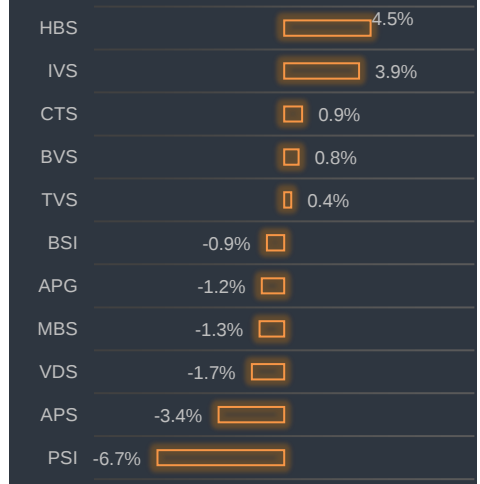
Xây dựng



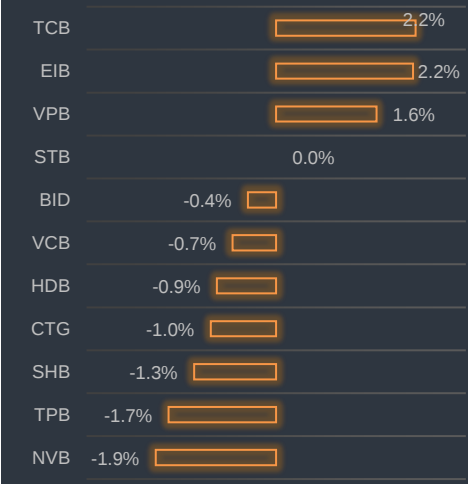
Dầu khí



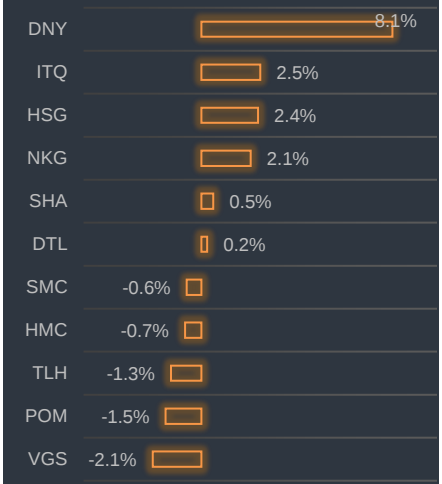
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
Tel: 0983.999.350
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh Sài Gòn

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931